

Số: /KH-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với các ngành kinh tế mũi nhọn, xác định công nghệ cốt lõi có thể tạo đột phá, nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, khả năng tiếp cận công nghệ của tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm chiến lược;

Căn cứ Kế hoạch số 92/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung cập nhật Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xây dựng kế hoạch “Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với các ngành kinh tế mũi nhọn, xác định công nghệ cốt lõi có thể tạo đột phá, nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, khả năng tiếp cận công nghệ của tỉnh Đồng Nai” với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm tái cơ cấu các ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Xác định những công nghệ chiến lược, có khả năng tạo đột phá và tác động lan tỏa cao trong các ngành chủ lực của tỉnh. Hình thành cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc ban hành chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, thu hút đầu tư, phát triển nguồn nhân lực và kết nối doanh nghiệp, viện, trường. Xác định nhu cầu và xu hướng công nghệ của thị trường trong nước và quốc tế, từ đó đề xuất giải pháp hợp tác, tiếp cận, chuyển giao và làm chủ công nghệ tiên tiến phù hợp với năng lực của Đồng Nai.

2. Yêu cầu

- Xây dựng Lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 tỉnh Đồng Nai phải đảm bảo tính khoa học, đồng bộ, toàn diện và khả thi, gắn kết chặt chẽ với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đồng thời

phản ánh đúng thực tiễn sản xuất, xu hướng phát triển công nghệ trong nước và quốc tế, phát huy được tiềm năng, lợi thế đặc thù của tỉnh Đồng Nai.

- Xác định rõ các nhiệm vụ, nội dung trọng tâm, trọng điểm trong từng giai đoạn, phù hợp với nguồn lực và điều kiện thực tế của địa phương; kèm theo phân công trách nhiệm, mốc thời gian, chỉ tiêu và kết quả cụ thể để thuận tiện trong quá trình tổ chức triển khai, giám sát và đánh giá.

- Huy động sự tham gia tích cực của các cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, chuyên gia và cộng đồng doanh nghiệp, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong toàn bộ quá trình xây dựng và thực hiện.

- Đảm bảo tính “mở” và linh hoạt của Lộ trình đổi mới công nghệ, có cơ chế cập nhật, giám sát, đánh giá định kỳ; kịp thời điều chỉnh phù hợp với sự phát triển của khoa học - công nghệ, yêu cầu hội nhập quốc tế và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng cơ sở khoa học, thực tiễn và đề xuất lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 cho các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh nhằm xác định công nghệ cốt lõi có khả năng tạo đột phá, nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh của các ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Đồng thời, đánh giá nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, khả năng tiếp cận, làm chủ và ứng dụng công nghệ tại Đồng Nai; tăng cường liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước - doanh nghiệp - viện trường - khu công nghiệp, khu kinh tế trong hoạt động đổi mới công nghệ.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xác định công nghệ cốt lõi tạo đột phá cho từng ngành mũi nhọn, ngành kinh tế trọng điểm (Trí tuệ nhân tạo (AI); Công nghệ sinh học và y tế tiên tiến; Công nghệ năng lượng tái tạo và công nghệ xanh; Công nghệ môi trường; Công nghệ giáo dục và giải trí số; Công nghệ giao thông, logistics và vận tải thông minh; Công nghệ bán dẫn và vi mạch; Công nghệ công nghiệp chế biến chế tạo; Công nghệ nông nghiệp công nghệ cao...). Đến năm 2030, từng bước hình thành và triển khai các công nghệ cốt lõi, nâng cao năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, tăng tỷ lệ giá trị gia tăng trong ngành.

- Đến năm 2035: đạt vị thế dẫn đầu trong một số lĩnh vực công nghệ của tỉnh, chuyển đổi công nghệ mạnh mẽ, khai thác tốt nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, khả năng tiếp cận và làm chủ công nghệ mang tính đột phá.

III. NỘI DUNG VÀ LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI

1. Giai đoạn 2026 - 2027: Nâng cao năng lực và chuyển đổi số

- Khảo sát, đánh giá hiện trạng năng lực công nghệ tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp.
- Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá khả năng tiếp cận và hấp thụ công nghệ.
- Tổ chức các hội thảo chuyên đề, lấy ý kiến chuyên gia, viện trường, doanh nghiệp.
- Xây dựng bản đồ công nghệ (technology roadmap).

2. Giai đoạn 2028 - 2030: Chuyển dịch sang đổi mới sáng tạo và giá trị cao (áp dụng bản đồ công nghệ)

- Hoàn thiện bản đồ công nghệ cho từng ngành mũi nhọn.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.
- Lựa chọn triển khai một số dự án thí điểm ứng dụng công nghệ cốt lõi trong các lĩnh vực ưu tiên.

3. Giai đoạn 2031 - 2035: Tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai, điều chỉnh lộ trình phù hợp

- Tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai, điều chỉnh lộ trình phù hợp.
- Hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm công nghệ chuyên ngành.

(Chi tiết khung kế hoạch lộ trình triển khai tại Phụ lục đính kèm)

IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu, tổng hợp kế hoạch triển khai của các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan.
- Chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành tổ chức khảo sát, đánh giá và xây dựng cơ sở dữ liệu công nghệ cho tỉnh.
- Chủ trì, phối hợp các sở, ban ngành triển khai hạ tầng dữ liệu số, hỗ trợ chuyển đổi số trong các lĩnh vực liên quan.

2. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp các sở, ban ngành thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đề xuất bố trí nguồn lực đầu tư.
- Triển khai các cơ chế, chính sách do các cơ quan có thẩm quyền ban hành nhằm thu hút các dự án sử dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến từ nước ngoài, có cam kết chuyển giao công nghệ, thiết lập cơ sở nghiên cứu và phát triển.

3. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan xác định nhu cầu đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp chủ lực; phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp.

- Phối hợp Tổ Điều phối viên xúc tiến phát triển công nghiệp hỗ trợ tỉnh Đồng Nai tổ chức hội nghị, diễn đàn kết nối doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước với các tập đoàn FDI để tăng tỷ lệ nội địa hóa.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan đề xuất công nghệ sinh học, công nghệ số trong nông nghiệp công nghệ cao, triển khai các chương trình về công nghệ môi trường, năng lượng xanh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan đề xuất chương trình đào tạo nhân lực công nghệ mới; kết nối doanh nghiệp - trường học.

6. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh

- Chủ động rà soát và lựa chọn doanh nghiệp tiêu biểu để đề xuất UBND tỉnh chấp thuận thực hiện doanh nghiệp thí điểm đổi mới công nghệ; hỗ trợ xúc tiến đầu tư công nghệ cao.

- Triển khai các cơ chế, chính sách nhằm thu hút các dự án sử dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến từ nước ngoài, có cam kết chuyển giao công nghệ, thiết lập cơ sở nghiên cứu và phát triển.

7. UBND các xã, phường và các đơn vị c liên quan

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp địa phương, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch này.

8. Trách nhiệm của các viện, trường, hiệp hội doanh nghiệp

Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị có liên quan nghiên cứu, đề xuất, chuyển giao và ứng dụng công nghệ liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã, phường; đơn vị sự nghiệp công lập

- Chủ động triển khai nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.
- Định kỳ trước ngày 20 tháng 12 hằng năm gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Kế hoạch này.
- Định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và kiến nghị điều chỉnh khi cần thiết, tham chiếu nguyên tắc công khai, minh bạch, giám sát định kỳ theo quy định.
- Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

Trên đây là Kế hoạch Xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ đến năm 2035 đối với các ngành kinh tế mũi nhọn, xác định công nghệ cốt lõi có thể tạo đột phá, nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, khả năng tiếp cận công nghệ của tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các khó khăn, vướng mắc (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, chỉ đạo giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các phường, xã;
- Các trường Đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh;
- Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, các tổ chức khoa học và công nghệ;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTNS, KTN, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trường Sơn

PHỤ LỤC

KHUNG KẾ HOẠCH LỘ TRÌNH CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC TỈNH ĐỒNG NAI (2026 - 2035)

Mục tiêu chung của giai đoạn 2026 - 2035 là đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy đổi mới công nghệ trong các ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đạt mức hai con số để tỉnh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương năm 2030.

I. GIAI ĐOẠN 2026-2027: NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ CHUYÊN ĐỔI SỐ

Giai đoạn này tập trung vào việc củng cố nền tảng, số hóa quy trình và xây dựng các lớp dữ liệu cơ sở cho bản đồ công nghệ chiến lược.

1. Xây dựng bản đồ công nghệ chiến lược

Lớp thông tin của bản đồ	Nhiệm vụ trọng tâm	Sản phẩm
Năng lực trong nước	Đánh giá Hiện trạng công nghệ (T, E, O, R, I): Tổ chức điều tra, khảo sát, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của doanh nghiệp	Phạm vi: Tập trung vào các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, ưu tiên khảo sát 300-400 doanh nghiệp/ngành chủ lực. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về trình độ và năng lực công nghệ sản xuất; Hoàn thành cơ sở dữ liệu cho các ngành chủ lực.
Nhu cầu thị trường/ngành	Điều tra cung cầu: Điều tra, thống kê, thực hiện nhiệm vụ đánh giá tổng thể hiện trạng cung - cầu công nghệ, tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh.	Cơ sở: Thu thập cung - cầu về công nghệ và chuyển giao tài sản trí tuệ từ doanh nghiệp trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực. Phân tích thị trường KH&CN.
Xu hướng công nghệ	Thu thập thông tin xu hướng: Thu thập thông tin về công nghệ nguồn, công nghệ cao, công nghệ nền tảng từ nước ngoài.	Định hướng: Tập trung vào công nghệ nguồn, công nghệ cao, công nghệ nền tảng trong lĩnh vực CNTT; công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường trong cơ khí chế tạo.
Danh mục & Lộ trình	Xác định danh mục ưu tiên: tổng hợp kết quả đánh giá để đề xuất các công nghệ cốt lõi và lộ trình đổi mới cho giai đoạn tiếp theo.	Danh mục: Ưu tiên: AI, tự động hóa, IoT, Big Data, Công nghệ sinh học. Lộ trình: Tập trung chuyển đổi số các nhà máy hiện có; Hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý và tiêu chuẩn quốc tế.

2. Kế hoạch hành động theo trụ cột (2026 - 2027)

Trụ cột	Kế hoạch hành động
Đánh giá & Năng lực CN	Thực hiện khảo sát chi tiết (T, E, O, R, I) đối với 300-400 doanh nghiệp nhóm C10-C30. Tập huấn, đào tạo cán bộ chuyên môn thực hiện việc đánh giá
Thị trường KH&CN	Hoàn thiện hạ tầng thị trường: Tổ chức triển khai Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị tỉnh Đồng Nai. Hoàn thành số hóa các kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ có tiềm năng thương mại hóa.
Chuyển giao CN/FDI	Khuyến khích tìm kiếm CN: Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thông tin công nghệ, tư vấn, chuyển giao công nghệ từ nước ngoài thông qua các chương trình KH&CN. Nâng cao nhân lực: Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về tìm kiếm công nghệ, đánh giá công nghệ cho cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật.
Lộ trình Đổi mới CN (Ngành)	- Điện tử & Bán dẫn: Tập trung chuyển đổi số các nhà máy hiện có. Ứng dụng IoT để giám sát quy trình sản xuất theo thời gian thực. Nghiên cứu và phát triển các mô-đun số hóa, tự động hóa và tích hợp dữ liệu theo tiêu chuẩn Công nghiệp 4.0 cho các dây chuyền sản xuất hiện có trong các khu công nghiệp, khu kinh tế. - Công nghiệp Hỗ trợ: Nghiên cứu thiết kế và chế tạo các Robot Hợp tác có khả năng làm việc an toàn cùng con người, phù hợp với đặc thù sản xuất của các ngành dệt may, da giày, chế biến gỗ (ngành cần sự linh hoạt cao); Hỗ trợ áp dụng các hệ thống quản lý và tiêu chuẩn quốc tế. Phát triển robot tự hành phục vụ nhà máy và kho bãi. Ứng dụng AI trong phân loại sản phẩm, kiểm tra lỗi, quản lý dây chuyền. Hệ thống cảm biến – IoT tích hợp AI phục vụ giám sát môi trường, giám sát an toàn trong khu công nghiệp. - Nông nghiệp thông minh: Nghiên cứu phát triển các hệ thống Robot/Drone tự hành để sản xuất, giám sát, phun thuốc, và thu hoạch trên các diện tích cây công nghiệp lớn (như cao su, điều, cà phê) và cây ăn trái. - Hạ tầng/Xây dựng: Thí điểm Hệ thống giao thông thông minh (ITS) tại phường trung tâm; áp dụng BIM ở các dự án trọng điểm.

II. GIAI ĐOẠN 2028 - 2030: CHUYỂN DỊCH SANG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ GIÁ TRỊ CAO (ÁP DỤNG BẢN ĐỒ CÔNG NGHỆ)

Giai đoạn này tập trung vào việc áp dụng kết quả đánh giá, thúc đẩy đổi mới sáng tạo (ĐMST) mạnh mẽ, chuyển dịch sang các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao hơn và thu hút FDI chất lượng.

1. Hoàn thiện bản đồ công nghệ chiến lược

Lớp thông tin của bản đồ	Nhiệm vụ trọng tâm	Sản phẩm
Danh mục & Lộ trình	Đề xuất giải pháp nâng cao trình độ: Xây dựng báo cáo khoa học chuyên đề bao gồm các đánh giá, nhận xét về trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp. Đề xuất các giải pháp phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ và năng lực công nghệ sản xuất.	Sản phẩm: Tổ chức Hội thảo tham vấn ý kiến chuyên gia về kết quả điều tra khảo sát và dự kiến kế hoạch giai đoạn tiếp theo. Hoàn thiện lộ trình đổi mới công nghệ các ngành kinh tế mũi nhọn đến năm 2035.
Lớp dữ liệu cơ sở cho bản đồ công nghệ	Xây dựng cơ sở dữ liệu công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.	Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh
Áp dụng kết quả đánh giá	Triển khai một số dự án thí điểm ứng dụng công nghệ cốt lõi trong các lĩnh vực ưu tiên.	Ứng dụng 5-8 công nghệ cốt lõi trong các lĩnh vực ưu tiên.
Thu hút FDI chất lượng	Xây dựng chính sách FDI chất lượng cao: Thu hút dự án FDI gắn với công nghệ cao, yêu cầu thiết lập cơ sở nghiên cứu và phát triển (R&D) tại Đồng Nai với tỷ lệ 1% - 3% doanh thu.	Lĩnh vực thu hút: Robot – tự động hóa, AI, Công nghiệp bán dẫn, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và các ngành công nghiệp hỗ trợ có cam kết chuyển giao công nghệ.

2. Kế hoạch hành động theo trụ cột (2028 - 2030)

Trụ cột	Kế hoạch hành động
Thúc đẩy CN & ĐMST	Điện tử & Bán dẫn, AI: Triển khai các dự án nhà máy thông minh hoàn chỉnh, tích hợp AI vào quy trình sản xuất để kiểm soát chất lượng, tự động hóa các dây chuyền sản xuất. Công nghiệp Hỗ trợ: Đẩy mạnh liên kết với các tập đoàn FDI. Ứng dụng các công nghệ gia công chính xác, in 3D để sản xuất các linh kiện có độ phức tạp cao hơn.
Thị trường KH&CN	Thương mại hóa: Hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ; ưu tiên hỗ trợ các kết quả đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp phụ trợ, cơ giới hóa, chế biến sâu trong nông nghiệp. Xúc tiến: Tổ chức các sự kiện trình diễn, kết nối cung - cầu công nghệ, đổi mới sáng tạo (Techdemo, Techfest). Phấn đấu Giá trị giao dịch hàng hóa KH&CN hàng năm tăng bình quân 30%.
Chuyển giao CN/FDI	Tài chính và Vốn: Triển khai các chương trình, gói tín dụng với lãi suất hợp lý nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, doanh nghiệp đầu tư chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, tiếp cận vốn. Hợp tác Quốc tế: Đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm, mua bán và chuyển giao công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ tiên tiến vào Đồng Nai.

Thu hút FDI (Ngành)	- Ban Quản lý các Khu Công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh: Triển khai các cơ chế, chính sách nhằm thu hút các dự án sử dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến từ nước ngoài, có cam kết chuyển giao công nghệ, thiết lập cơ sở R&D. - Sở Công Thương: Tổ chức hội nghị, diễn đàn kết nối doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước với các tập đoàn FDI để tăng tỷ lệ nội địa hóa.
Hạ tầng/Xây dựng	Mở rộng giao thông thông minh liên vùng; 50% dự án xây dựng sử dụng vật liệu xanh; AI, IoT áp dụng rộng rãi trong quản lý vận tải, công trình.

III. TỔNG HỢP CÁC LĨNH VỰC R&D VÀ CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC (2026 - 2030)

Việc xác định lĩnh vực R&D và công nghệ chiến lược trong Bản đồ Công nghệ tập trung vào việc làm chủ các công nghệ nền tảng và nâng cao khả năng hấp thụ công nghệ cao.

Lĩnh vực R&D/Công nghệ chiến lược	Giai đoạn 2026 - 2027	Giai đoạn 2028 - 2030
Công nghệ nền tảng	IoT, Dữ liệu lớn (Big Data), Công nghệ sinh học, Công nghệ tự động hóa.	Trí tuệ nhân tạo (AI), Công nghệ gia công chính xác, In 3D, Công nghệ truy xuất nguồn gốc.
Điện tử & Bán dẫn	Chuyển đổi số, giám sát quy trình sản xuất bằng IoT.	Tích hợp AI vào kiểm soát chất lượng và tự động hóa dây chuyền sản xuất; Tăng cường sản xuất các linh kiện, phụ tùng có hàm lượng công nghệ trung bình.
Công nghiệp hỗ trợ	Áp dụng hệ thống quản lý và tiêu chuẩn quốc tế.	Ứng dụng gia công chính xác, In 3D để sản xuất các linh kiện có độ phức tạp cao hơn. Đạt mục tiêu 70% doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu chuỗi toàn cầu.
Nông nghiệp CNC	Giám sát môi trường và điều khiển tưới tiêu tự động. Triển khai công nghệ truy xuất nguồn gốc (QR, NFC).	Ứng dụng hệ thống IoT, Trí tuệ nhân tạo (AI) trong giám sát, điều khiển sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh chế biến sâu, bảo quản, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.
Hạ tầng/Giao thông	Thí điểm Hệ thống giao thông thông minh (ITS) tại phường trung tâm; áp dụng BIM ở các dự án trọng điểm. Xây dựng Nền tảng IoT (IoT Platform) cấp tỉnh.	Mở rộng giao thông thông minh liên vùng; Áp dụng AI, IoT rộng rãi trong quản lý vận tải, công trình. Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn (big data) để tối ưu hóa biểu đồ chạy xe.

Y tế/Giáo dục	- Giáo dục: Hoàn thành chuẩn hóa CSDL toàn ngành. Triển khai ứng dụng AI trong quản lý học tập tại các trường trọng điểm. - Y tế: Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử cho toàn dân, kết nối dữ liệu giữa các bệnh viện.	- Giáo dục: Mở rộng Ứng dụng Công nghệ Mới (AR/VR); 70% trường học phổ thông triển khai mô hình học tập thông minh. - Y tế: Tích hợp các thiết bị IoT để theo dõi sức khỏe từ xa và sử dụng AI để hỗ trợ chẩn đoán hình ảnh.
---------------	--	---

IV. GIAI ĐOẠN 2030 - 2035: TỔNG HỢP, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI, ĐIỀU CHỈNH LỘ TRÌNH PHÙ HỢP

Giai đoạn này nhằm tổng hợp, đánh giá kết quả triển khai, điều chỉnh lộ trình phù hợp. Xây dựng thí điểm vườn ươm sáng tạo; hình thành các vườn ươm doanh nghiệp công nghiệp công nghệ số trong các khu công nghệ thông tin tập trung, khu đổi mới sáng tạo và khu công nghệ cao sau khi hình thành.